

**Phụ biếu số 12**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG  
 NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày.../ /2020 của UBND xã Glar)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Đánh giá tiêu chí
1	Quy hoạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt;</li> <li>- Công bố và thực hiện việc cắm mốc theo quy định;</li> <li>- Thường xuyên tuyên truyền nội dung quy hoạch cho các tổ chức, người dân biết và thực hiện</li> </ul>	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	Đạt
		2.2. Đường trực thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa đạt 100%	100%	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%; trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	84.1%	
		2.4. Đường trực chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 85%	85.0%	
		2.5. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Duy trì đạt	Đạt	

		3.3 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥ 99%	98.5%	Chưa đạt
5	Trường học	5.1 Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	- Đối với xã có từ 4 trường trở lên: 75% - Đối với xã có từ 3 trường trở xuống: 100%	3/4 trường, đạt 75%	Đạt
		5.2 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trường học các cấp, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã	Đạt * Đối với xã phải thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã theo quy định và có nhà văn hóa xã được xây dựng riêng; làm tốt công tác xã hội hóa văn hóa nhằm tạo thêm nguồn lực về vật chất, tinh thần để không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa. * Đối với thôn, làng có 100 % thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; trong đó 50% Nhà Văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt
		6.2. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình nhà văn hóa, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	

8	Thông tin và Truyền thông	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	<p>Đảm bảo 2 nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: 80% số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn.</li> <li>- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu quy định theo từng năm như sau:</li> </ul> <p>Năm 2018: 50%. Năm 2019: 60%. Năm 2020: 70%.</p>	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 85\%$	85.9%	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	41 triệu đồng	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Giảm ít nhất 0,5 lần so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	4.13%	Chưa đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$	92%	Chưa đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	

	13.3. UBND xã lập kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, trình UBND huyện phê duyệt (có Kế hoạch của UBND xã được UBND huyện phê duyệt)	Đạt	Chưa đạt	
13	Tổ chức sản xuất	Đạt	Đạt	Chưa đạt
	13.4. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn (có báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá)	Đạt	Đạt	
	13.5. Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hóa	Đạt	Đạt	
	13.6. Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất	Đạt	Đạt	
	13.7. Giải quyết có hiệu quả việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	Đạt	Đạt	
	14.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	Chưa đạt (Mức độ 2)	
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bồi túc, trung cấp,...)	$\geq 85\%$	100%	
	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	$\geq 65\%$	35%	

14	Giáo dục và đào tạo	14.4. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyên đổi cách thức làm ăn phù hợp	Đạt	Đạt	Chưa đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia	$\geq 90\%$	57%	Chưa đạt
		15.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$	13.7%	
		15.3. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 80\%$	100%	Đạt
		17.1 Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	Chưa đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định	Duy trì đạt 100%	Đạt	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Duy trì đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Duy trì đạt	Đạt	

17	Môi trường và An toàn thực phẩm	<p>Đạt, khi:</p> <p>a) Về nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Mỗi hộ gia đình phải tự đào hố tiêu, thoát nước thải tại gia đình.</li> <li>- Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải tổ chức hoạt động khơi thông cống, rãnh thoát nước, không để ngập úng, tù đọng nước thải tại khu dân cư.</li> </ul> <p>b) Về chất thải rắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phương án và kết quả thực hiện phương án thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Tài nguyên và Môi trường (Có phương án và kết quả thực hiện phương án bằng văn bản)</li> <li>- Có phương án và kết quả</li> </ul>	Đạt	Chưa đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%	70.70%	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 75%	60.30%	
		17.7.Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Duy trì đạt 100%	Đạt	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	
		17.9. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Duy trì đạt	Đạt	
		18.1. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Duy trì đạt	Đạt	

		18.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại cao nhất, khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm	100%	Chưa đạt	
		18.3. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt, khi: - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn	Đạt	Chưa đạt
		18.5. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Đạt	
		18.6. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định	Đạt	Đạt	
		18.7. Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở	Đạt	Đạt	
		18.8. 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Duy trì đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên	Duy trì đạt	Đạt	
		19.3 Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Đạt	Đạt	
		19.4 Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	

**Phụ biếu số 12**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG  
 NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày... ./122020 của UBND xã Glar)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Đánh giá tiêu chí
1	Quy hoạch	- Tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt; - Công bố và thực hiện việc cắm mốc theo quy định; - Thường xuyên tuyên truyền nội dung quy hoạch cho các tổ chức, người dân biết và thực hiện	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	Đạt
		2.2. Đường trực thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa đạt 100%	100%	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%; trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	84.1%	
		2.4. Đường trực chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 85%	85.0%	
		2.5. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Duy trì đạt	Đạt	

		3.3 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥ 99%	99%	Đạt
5	Trường học	5.1 Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	- Đối với xã có từ 4 trường trở lên: 75% - Đối với xã có từ 3 trường trở xuống: 100%	3/4 trường, đạt 75%	Đạt
		5.2 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trường học các cấp, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã	Đạt * Đối với xã phải thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã theo quy định và có nhà văn hóa xã được xây dựng riêng; làm tốt công tác xã hội hóa văn hóa nhằm tạo thêm nguồn lực về vật chất, tinh thần để không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa. * Đối với thôn, làng có 100 % thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; trong đó 50% Nhà Văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt
		6.2. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình nhà văn hóa, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	

8	Thông tin và Truyền thông	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	<p>Đảm bảo 2 nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: 80% số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn.</li> <li>- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu quy định theo từng năm như sau:</li> </ul> <p>Năm 2018: 50%. Năm 2019: 60%. Năm 2020: 70%.</p>	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 85\%$	85.9%	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	41 triệu đồng	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Giảm ít nhất 0,5 lần so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	4.13%	Chưa đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$	95%	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	

	13.3. UBND xã lập kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, trình UBND huyện phê duyệt (có Kế hoạch của UBND xã được UBND huyện phê duyệt)	Đạt	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt
	13.4. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn (có báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá)	Đạt	Đạt	
	13.5. Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hóa	Đạt	Đạt	
	13.6. Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất	Đạt	Đạt	
	13.7. Giải quyết có hiệu quả việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	Đạt	Đạt	
	14.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	Chưa đạt (Mức độ 2)	
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bồi túc, trung cấp,...)	$\geq 85\%$	100%	
	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	$\geq 65\%$	35%	

14	Giáo dục và đào tạo	14.4. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	Đạt	Đạt	Chưa đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia	$\geq 90\%$	75.00%	Chưa đạt
		15.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$	13.7%	
		15.3. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 80\%$	89%	Đạt
		17.1 Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	Chưa đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định	Duy trì đạt 100%	Đạt	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Duy trì đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Duy trì đạt	Đạt	

17	Môi trường và An toàn thực phẩm	<p>Đạt, khi:</p> <p>a) Về nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'- Mỗi hộ gia đình phải tự đào hố tiêu, thoát nước thải tại gia đình.</li> <li>- Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải tổ chức hoạt động khơi thông cống, rãnh thoát nước, không để ngập úng, tù đọng nước thải tại khu dân cư.</li> </ul> <p>b) Về chất thải rắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phương án và kết quả thực hiện phương án thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Tài nguyên và Môi trường (Có phương án và kết quả thực hiện phương án bằng văn bản)</li> <li>- Có phương án và kết quả</li> </ul>	Đạt	Chưa đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%	70.70%	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 75%	60.30%	
		17.7.Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Duy trì đạt 100%	Đạt	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	
		17.9. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Duy trì đạt	Đạt	
		18.1. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Duy trì đạt	Đạt	

		18.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại cao nhất, khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm	100%	Chưa đạt
		18.3. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt, khi: - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn	Đạt  Chưa đạt
		18.5. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Đạt
		18.6. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định	Đạt	Đạt
		18.7. Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở	Đạt	Đạt
		18.8. 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Duy trì đạt	Đạt  Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên	Duy trì đạt	Đạt
		19.3 Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Đạt	Đạt
		19.4 Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt
<b>Tổng hợp: Xã có 14/19 tiêu chí nâng cao đạt chuẩn</b>				

**Phụ biểu số 4**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG  
 NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày... ./12/2020 của UBND xã Glar)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Thực hiện năm 2020	Đánh giá tiêu chí
1	Quy hoạch	- Tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt; - Công bố và thực hiện việc cắm mốc theo quy định; - Thường xuyên tuyên truyền nội dung quy hoạch cho các tổ chức, người dân biết và thực hiện	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	Đạt
		2.2. Đường trực thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa đạt 100%	100%	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%; trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	84.1%	
		2.4. Đường trực chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 85%	85.0%	
		2.5. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đường giao thông, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 85% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Duy trì đạt	Đạt	

		3.3 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥ 99%	99%	Đạt
5	Trường học	5.1 Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	- Đối với xã có từ 4 trường trở lên: 75% - Đối với xã có từ 3 trường trở xuống: 100%	3/4 trường, đạt 75%	Đạt
		5.2 Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trường học các cấp, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã	Đạt * Đối với xã phải thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã theo quy định và có nhà văn hóa xã được xây dựng riêng; làm tốt công tác xã hội hóa văn hóa nhằm tạo thêm nguồn lực về vật chất, tinh thần để không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa. * Đối với thôn, làng có 100 % thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng; trong đó 50% Nhà Văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt
		6.2. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình nhà văn hóa, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	

8	Thông tin và Truyền thông	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	<p>Đảm bảo 2 nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- về kỹ năng sử dụng máy vi tính của cán bộ xã: 80% số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và phải sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc chuyên môn.</li> <li>- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu quy định theo từng năm như sau:</li> </ul> <p>Năm 2018: 50%. Năm 2019: 60%. Năm 2020: 70%.</p>	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 85\%$	85.9%	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	Cao gấp 1.2 lần trở lên so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	41 triệu đồng	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Giảm ít nhất 0,5 lần so với thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	3.13%	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$	95%	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	

	13.3. UBND xã lập kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, trình UBND huyện phê duyệt (có Kế hoạch của UBND xã được UBND huyện phê duyệt)	Đạt	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt
	13.4. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn (có báo cáo kết quả thực hiện đến thời điểm đánh giá)	Đạt	Đạt	
	13.5. Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã có khả năng áp dụng cơ giới hóa	Đạt	Đạt	
	13.6. Có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn hoặc có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất	Đạt	Đạt	
	13.7. Giải quyết có hiệu quả việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	Đạt	Đạt	
	14.1. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	Chưa đạt (Mức độ 2)	
	14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bồi túc, trung cấp,...)	$\geq 85\%$	100%	
	14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	$\geq 65\%$	35%	

14	Giáo dục và đào tạo	14.4. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	Đạt	Đạt	Chưa đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 90\%$	75.00%	Chưa đạt
		15.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$	13.7%	
		15.3. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình trạm y tế, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Đạt	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 80\%$	89%	Đạt
		17.1 Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	Chưa đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định	Duy trì đạt 100%	Đạt	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Duy trì đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Duy trì đạt	Đạt	

		Đạt, khi: a) Về nước thải: '- Mỗi hộ gia đình phải tự đào hố tiêu, thoát nước thải tại gia đình. - Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã phải tổ chức hoạt động khơi thông cống, rãnh thoát nước, không để ngập úng, tù đọng nước thải tại khu dân cư. b) Về chất thải rắn: - Có phương án và kết quả thực hiện phương án thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Tài nguyên và Môi trường (Có phương án và kết quả thực hiện phương án bằng văn bản) - Có phương án và kết quả	Đạt	Chưa đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%	70.70%
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 75%	60.30%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Duy trì đạt 100%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt
		17.9. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước, không để xảy ra tình trạng xuống cấp	Duy trì đạt	Đạt
		18.1. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Duy trì đạt	Đạt

		18.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại cao nhất, khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xét công nhận hàng năm	100%	Chưa đạt	
		18.3. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt, khi: - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn	Đạt	Chưa đạt
		18.5. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Đạt	
		18.6. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời và đúng quy định	Đạt	Đạt	
		18.7. Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở	Đạt	Đạt	
		18.8. 100% các thôn, làng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Duy trì đạt	Đạt	
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên	Duy trì đạt	Đạt	Đạt
		19.3 Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Đạt	Đạt	
		19.4 Có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	
<b>Tổng hợp: Xã có 15/19 tiêu chí nâng cao đạt chuẩn</b>					